

Số: **52** /BC-UBND

Trà Vinh, ngày **07** tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

**Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 120 của Quốc hội
về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030**
*(Báo cáo theo yêu cầu tại Công văn số 349/ĐGS-DT ngày 07/12/2022
của Trưởng Đoàn giám sát của Quốc hội khóa XV)*

MỞ ĐẦU

1. Khái quát đặc điểm tình hình

Trà Vinh là tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với biển Đông và các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Sóc Trăng. Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên 2.358 km², có bờ biển dài 65 km. Dân số tỉnh Trà Vinh có 1.019.258 người, với 29 thành phần dân tộc, trong đó: Người Kinh chiếm trên 67%, người Khmer chiếm 32%, người Hoa và một số dân tộc khác chiếm gần 1%. Đồng bào Khmer đa số theo Phật giáo Nam tông Khmer, toàn tỉnh có 465 cơ sở tín ngưỡng và 378 cơ sở tôn giáo, trong đó có 143 ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer, 42 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo người Hoa và 01 thánh đường Hồi giáo trong đồng bào Chăm. Tình hình kinh tế, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) cơ bản ổn định và từng bước phát triển, sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp, nghề thủ công truyền thống, một bộ phận làm kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhỏ, công nhân lao động ở các công ty, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh. Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS, đến nay sản xuất nông nghiệp trong vùng đồng bào DTTS có bước chuyển biến rõ rệt. Tuy nhiên, ở một số nơi có đồng bào dân tộc, đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, kinh tế - xã hội phát triển chậm, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm dần hàng năm nhưng vẫn còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Cùng với đó, diễn biến thời tiết bất thường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, một số mặt hàng nông sản giá không ổn định, giá xăng, dầu có giảm nhưng giá các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống kinh tế của đồng bào.

2. Khái quát công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030

Tỉnh Trà Vinh luôn quan tâm đến việc triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương: Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc, Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) phát

triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025,... Tỉnh Trà Vinh ban hành nhiều Chương trình, Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như: Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 23/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW; Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015; Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045,... Việc triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc đạt kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm hộ nghèo trên địa bàn; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được nâng lên đáng kể, bộ mặt nông thôn vùng đồng bào DTTS được cải thiện, giao thương hàng hóa thuận lợi, thông suốt, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

3. Khái quát việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và nguyên tắc lồng ghép giới xuyên suốt trong tổ chức triển khai thực hiện Dự án, Tiêu dự án của Chương trình

Mục tiêu bình đẳng giới và nguyên tắc lồng ghép giới được tỉnh quan tâm thực hiện trong quá trình tổ chức thực hiện và đánh giá tác động của từng chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn. Tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025”; đồng thời, tập trung triển khai thực hiện các nội dung Dự án 8 thuộc Chương trình MTQG về thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, bước đầu đạt được kết quả quan trọng về công tác bình đẳng giới.

Phần 1

CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. VỀ ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Số ấp, khóm, xã, huyện thụ hưởng Chương trình: Tỉnh Trà Vinh có 10 ấp (thôn) đặc biệt khó khăn, 59 xã vùng DTTS thuộc 8 huyện, thành phố có đối tượng hưởng lợi Chương trình.

2. Đặc điểm tự nhiên trên địa bàn thực hiện Chương trình

Về địa hình, Trà Vinh có địa hình khá bằng phẳng, không có đồi núi, là vùng đồng bằng ven biển, chịu ảnh hưởng bởi sự giao thoa giữa sông và biển, hình thành các vùng trũng, xen lẫn các giồng cát; có hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt. Về khí hậu, Trà Vinh có 02 mùa mưa và nắng, nhiệt độ trung bình năm từ 26 - 27,6°C, số giờ nắng trung bình là 2.556 giờ/năm, lượng mưa hàng năm vào khoảng 1.520 mm, độ ẩm trung bình năm là 84%. Nhìn chung, khí hậu Trà Vinh mang đặc điểm nhiệt đới gió mùa với nền nhiệt độ cao, ổn định và nắng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

3. Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn thực hiện Chương trình

Dân số tỉnh Trà Vinh có 1.019.258 người, với 29 thành phần dân tộc, trong đó: Người Kinh chiếm trên 67%, người Khmer chiếm 32%, người Hoa và một số dân tộc khác chiếm gần 1%. Tỉnh có nguồn lao động dồi dào, dân số trong tuổi lao động chiếm khoảng 55% tổng dân số toàn tỉnh, trong đó, đa phần vẫn là lao động nông thôn, chiếm trên 80% và lao động trong khu vực nông nghiệp cao trên 40%; tỷ lệ lao động trong công nghiệp - xây dựng và dịch vụ còn thấp. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng có đồng đồng bào DTTS được quan tâm đầu tư; đời sống của đồng bào ngày càng được cải thiện và nâng cao cả vật chất lẫn tinh thần. Toàn tỉnh có 127 cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân; cơ sở vật chất y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, số giường bệnh/vạn dân đạt 26,41 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt 9,4 bác sĩ; 100% trạm y tế xã có bác sĩ làm việc; 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,9%, cấp trung học cơ sở đạt 98,6%; 100% trường tiểu học và trung học cơ sở tổ chức thực hiện dạy học đối với lớp 1, lớp 2, lớp 6 theo sách giáo khoa mới thuộc Chương trình GDPT 2018 đúng quy định hiện hành trong năm học 2021 - 2022; thí điểm xây dựng đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 3 tuổi và 4 tuổi; công nhận 09 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021 và 23 trường học đạt chuẩn quốc gia; cơ sở vật chất trường lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư, toàn tỉnh có 8.057 phòng học và phòng chức năng, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm 91,13%, bán kiên cố chiếm 8,87%, không còn phòng học tạm thời.

Đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,88% (giảm 1,68% so với năm trước, tương đương giảm 4.803 hộ), trong đó, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3,50%, tương đương giảm 3.240 hộ so với năm trước); trong năm 2022, giải quyết việc làm cho 23.000 lao động, đưa 915 lao động đi làm việc ở nước ngoài; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 8.683 hồ sơ với số tiền trên 149 tỷ đồng; tuyển sinh đào tạo nghề 15.501 người. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được quan tâm thực hiện; năm 2022 tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 90,43%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 16,8% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,59% lực lượng lao động xã hội; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS trên địa bàn.

II. VỀ NỘI DUNG CÁC TIÊU DỰ ÁN, DỰ ÁN

1. Số Dự án, Tiêu dự án, chính sách thuộc Chương trình đang triển khai thực hiện trên địa bàn

Tỉnh Trà Vinh thực hiện 09/10 Dự án và các Tiêu dự án (*chi tiết Phụ lục số 01 đính kèm*).

2. Về nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn thực hiện chương trình gồm: Vốn ngân sách Trung ương; vốn ngân sách địa phương đối ứng; vốn tín dụng; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác; vốn đóng góp của nhân dân và nguồn vốn hợp pháp khác... (*chi tiết Phụ lục số 02 đính kèm*).

- Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương: Tỉnh đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình là 547.172 triệu đồng (*100% kế hoạch*); trong năm 2022 đã giao 167.392 triệu đồng (*100% kế hoạch; trong đó: 109.740 triệu đồng vốn đầu tư; 57.652 triệu đồng vốn sự nghiệp*) và năm 2023 đã giao 301.879 triệu đồng (*100% kế hoạch; trong đó: 141.905 triệu đồng vốn đầu tư; 159.974 triệu đồng vốn sự nghiệp*).

- Đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng: Tỉnh đã giao kế hoạch vốn đầu tư công (*vốn ngân sách tỉnh đối ứng*) giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là 20.000 triệu đồng.

III. VỀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Đánh giá về các văn bản hướng dẫn do Trung ương ban hành: Để triển khai thực hiện Chương trình Trung ương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để địa phương triển khai thực hiện các Nội dung, Tiêu dự án, Dự án thuộc Chương trình. Tuy nhiên việc ban hành các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG theo thẩm quyền của các Bộ, cơ quan Trung ương còn chậm và chưa đồng bộ, kịp thời, ảnh hưởng đến công tác triển khai, tổ chức thực hiện các Chương trình. Trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn bất cập, vướng mắc (*chi tiết Phụ lục số 03 đính kèm*).

Để cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh ban hành nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình (*chi tiết Phụ lục số 04 đính kèm*).

Phần 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN

I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY THỰC HIỆN

1. Đánh giá về việc tổ chức bộ máy, thành lập ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình ở địa phương

Đối với cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26/7/2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; cấp huyện, đến ngày 31/12/2022, đã có 09/09 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện và ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo;

cấp xã, đến ngày 31/12/2022, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban quản lý dự án và Ban phát triển ấp, khóm. Tỉnh Trà Vinh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo kịp thời, đồng bộ, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

2. Đánh giá về xây dựng và ban hành quy chế thực hiện, phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình (nêu rõ những thuận lợi khó khăn, bất cập trong công tác phối hợp, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện); đánh giá về công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

- Tỉnh Trà Vinh xây dựng và ban hành quy chế thực hiện kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành tỉnh trong triển khai thực hiện Chương trình, giao cơ quan công tác dân tộc làm cơ quan thường trực, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Về cơ chế phối hợp được quy định cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm của tỉnh. Việc phân công nhiệm vụ cụ thể nâng cao vai trò, trách nhiệm của đơn vị được giao nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Các sở, ngành tỉnh, đơn vị thực hiện tốt công tác phối hợp trong thực hiện Chương trình, tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến khác nhau, chưa thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là về thủ tục thanh quyết toán.

- Tỉnh quan tâm thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện Chương trình. Qua tổ chức triển khai tuyên truyền các nội dung chương trình MTQG, nhận thức của đồng bào dân tộc tiếp tục nâng lên, đồng bào các DTTS tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện Chương trình; nêu rõ những bất cập, chồng chéo

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh đã tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (*thực hiện năm 2022*). Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 26/10/2022. Theo đó, Ban Dân tộc tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát đánh giá Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và tiến hành kiểm tra, giám sát theo kế hoạch. Qua kết quả kiểm tra, Đoàn kiểm tra hướng dẫn địa phương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành tỉnh hướng dẫn địa phương tháo gỡ vướng mắc thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh

giá thực hiện Chương trình theo quy định. Qua kiểm tra, giám sát, Đoàn hướng dẫn các đơn vị tháo gỡ những khó khăn theo thẩm quyền.

* Công tác kiểm tra, giám sát từ tỉnh đến địa phương thực hiện theo quy định, không có bất cập, chông chéo, tuy nhiên công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, liên tục.

II. VỀ LẬP, PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN VỐN

1. Đánh giá về lập, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện Chương trình hàng năm và trung hạn 5 năm; trong đó làm rõ công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán hàng năm và 5 năm

Trên cơ sở Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình MTQG; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 7/7/2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 7/7/2022 về bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về phân bổ vốn đầu tư công năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định giao vốn: Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG; Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG; Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Theo đó :

- Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương: Tỉnh đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình là 547.172 triệu đồng (100% kế hoạch); trong năm 2022 đã giao 167.392 triệu đồng (100% kế hoạch; trong đó: 109.740 triệu đồng vốn đầu tư; 57.652 triệu đồng vốn sự nghiệp) và năm 2023 đã giao 301.879 triệu đồng (100% kế hoạch; trong đó: 141.905 triệu đồng vốn đầu tư; 159.974 triệu đồng vốn sự nghiệp).

- Đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng: Tỉnh đã giao kế hoạch vốn đầu tư công (vốn ngân sách tỉnh đối ứng) giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là 20.000 triệu đồng.

* Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn, địa phương thực hiện tốt lập, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện Chương trình theo quy định. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi triển khai thực hiện tốt Chương trình.

2. Đánh giá việc huy động các khoản vay, vốn ODA để thực hiện Chương trình (nếu có); làm rõ kết quả đạt được, bất cập, hạn chế trong việc phân bổ, quản lý nguồn vốn

Trong năm 2022, việc huy động chủ yếu từ nguồn vốn đóng góp của nhân dân, doanh nghiệp (*chủ yếu hiến đất, cây cối, hoa màu*) và vốn tín dụng. Tỉnh Trà Vinh thực hiện phân bổ và quản lý nguồn vốn theo đúng quy định. Công tác huy động và phân bổ nguồn lực tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

3. Đánh giá về cơ chế, chính sách, các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện phân bổ, giải ngân vốn thực hiện Chương trình. Nêu rõ thuận lợi, khó khăn, bất cập, hạn chế trong các văn bản quản lý tổ chức thực hiện phân bổ vốn thực hiện Chương trình

Trung ương ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, địa phương quan tâm xây dựng các văn bản triển khai. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, khó khăn:

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình, việc phân bổ, giải ngân vốn thực hiện Chương trình MTQG còn chậm do Trung ương giao vốn cho địa phương chậm.

- Việc ban hành và triển khai cụ thể hóa các quy định của văn bản Trung ương chưa hoàn thành, một số văn bản tỉnh đang xây dựng như: Xây dựng cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG, giữa các Chương trình MTQG và các chương trình dự án khác trên địa bàn tỉnh; cơ chế huy động các nguồn lực khác; quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn; ban hành các quy định trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù; quy định về mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết để triển khai hình thức Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định về Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất thực hiện hình thức Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Đánh giá chung về kết quả đạt được trong 03 năm

- Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Trung ương, tỉnh đã chủ động bám sát các văn bản của Trung ương, tập trung chỉ đạo, điều hành, ban hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản hướng dẫn, phân bổ nguồn vốn, xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022. Theo đó, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, bước đầu cơ bản đạt được một số nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

- Việc triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn; thành lập bộ máy chỉ đạo, điều hành chung; phân công, phân nhiệm cơ quan chủ trì; công tác phối hợp thực hiện Chương trình; về kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, giám sát được quan tâm thực hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh thực hiện giảm nghèo 1,31% hộ nghèo vùng đồng bào DTTS (tương đương giảm 2.218 hộ) chưa đạt mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 là 3%/năm. Nguyên nhân: Do thực tế số hộ nghèo của 59 xã vùng đồng bào DTTS đầu năm 2022 là 6.581 hộ, chiếm tỷ lệ 3,91% so với tổng số hộ dân cư vùng đồng bào

DTTS nên việc giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS 3% hàng năm, tỉnh khó thực hiện đạt.

- Số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 02/02 xã (Ngãi Xuyên và Hàm Giang thuộc huyện Trà Cú), đạt 100% kế hoạch năm 2022.

- Số ấp ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 02/10 ấp (ấp ÔkaĐa xã Phước Hảo huyện Cầu Ngang và ấp Trà Cú C xã Kim Sơn huyện Trà Cú), đạt 100% kế hoạch năm 2022.

1.2. Kết quả cụ thể theo các Dự án, Tiểu dự án

1.2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Ngân sách Trung ương: 42.466 triệu đồng (*vốn đầu tư: 27.108 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 15.358 triệu đồng*); Ngân sách địa phương: 6.369,90 triệu đồng (*vốn đầu tư: 4.066,20 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.303,70 triệu đồng*); Vốn vay tín dụng chính sách: 88.150 triệu đồng; Vốn huy động hợp pháp khác: 5.511 triệu đồng. Tiến độ, kết quả thực hiện:

- Nội dung 01: Hỗ trợ đất ở; Nội dung 02: Hỗ trợ nhà ở, tình chưa triển khai thực hiện (Do Chính phủ chưa ban hành định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất).

- Nội dung 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Vốn tín dụng giải ngân 466 hộ với số tiền 21.205/50.000 triệu đồng, đạt tỷ lệ 42,41%; hỗ trợ cho 26 hộ với số tiền 260 triệu đồng.

- Nội dung 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt: Đã giải ngân cho 17 hộ với số tiền 47,06 triệu đồng.

1.2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Tỉnh không thực hiện.

1.2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Tỉnh không thực hiện.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS: Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương cho các huyện 13.244 triệu đồng (*vốn đầu tư 6.181 triệu đồng, vốn sự nghiệp 7.063 triệu đồng*) và dự kiến bố trí ngân sách địa phương 1.986,60 triệu đồng (*vốn đầu tư 927,15 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.059,45 triệu đồng*) để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý (huyện Trà Cú), thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS. Tuy nhiên, đến nay các huyện đang trong giai đoạn xây dựng dự án, chưa triển khai thực hiện nên chưa giải ngân vốn.

c) Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Tỉnh không thực hiện.

1.2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của

lĩnh vực dân tộc

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS: Ngân sách Trung ương: 57.585 triệu đồng (vốn đầu tư 55.685 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.900 triệu đồng).

- Nội dung số 01: Đầu tư 51 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS và duy tu bảo dưỡng 21 công trình.

- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Năm 2022 chưa thực hiện.

1.2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTNT: Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 17.407 triệu đồng (vốn đầu tư 14.343 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.064 triệu đồng) và dự kiến bố trí ngân sách địa phương 2.611,05 triệu đồng (vốn đầu tư 2.151,45 triệu đồng, vốn sự nghiệp 459,60 triệu đồng) cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 06 trường PTDTNT. Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đang làm thủ tục đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện nên chưa giải ngân vốn.

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS: Đang khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng kế hoạch để thực hiện.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 649 học viên (11 lớp) thuộc nhóm đối tượng 3 và 660 học viên (11 lớp) thuộc nhóm đối tượng 4, thời gian 5 ngày/lớp. Hiện đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Năm 2022, tỉnh không thực hiện.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 19.820 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và dự kiến bố trí ngân sách địa phương 2.973 triệu đồng (vốn sự nghiệp) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS.

d) Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Kế hoạch tổ chức mở 24 lớp tập huấn, với khoảng 892 học viên tham dự, kinh phí 1.224,25 triệu. Tỉnh đang triển khai thực hiện.

1.2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 6.480 triệu đồng (vốn đầu tư 5.153 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.327 triệu đồng) và dự kiến bố trí ngân sách địa phương 972 triệu đồng (vốn đầu tư 772,95 triệu đồng, vốn sự nghiệp 199,05 triệu đồng) cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện các nội dung của Dự án. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt danh mục dự án thành phần tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 14/11/2022, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang triển khai các bước tiếp theo.

1.2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 1.201 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và dự kiến bố trí ngân sách địa phương đối ứng 180,15 triệu đồng (vốn sự nghiệp) cho Sở Y tế thực hiện Dự án 7. Hiện nay, Sở Y tế đang xây dựng kế hoạch thực hiện, chưa có tiến độ giải ngân.

1.2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 1.790 triệu đồng (vốn sự nghiệp) cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh thực hiện Dự án 8. Ngày 11/10/2022, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 1985/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Theo đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ban hành Kế hoạch số 69/KH-BTV ngày 31/10/2022 triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

1.2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Tỉnh không có đối tượng thực hiện.

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 631 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và dự kiến bố trí ngân sách địa phương 94,65 triệu đồng (vốn sự nghiệp) cho Ban Dân tộc tỉnh thực hiện mô hình tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTS. Theo đó, Ban Dân tộc tỉnh triển khai 12 cuộc hội nghị tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào DTTS về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, với 1.791 người tham dự; tổ chức 04 cuộc tuyên truyền tại các xã vùng DTTS thực hiện 04 mô hình điểm, với 530 đại biểu tham dự, giải ngân 480 triệu đồng, đạt 76,07% kế hoạch vốn Trung

ương phân bổ.

1.2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) **Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình MTQG:

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín: Ban Dân tộc tỉnh xây dựng Kế hoạch tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, với 480 đại biểu tham dự, kinh phí 580 triệu đồng. Đã hoàn thành công tác chuẩn bị, đợi thống nhất ngày tổ chức.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 10 cuộc Hội nghị tuyên truyền, với 1.600 đại biểu tham dự, kinh phí thực hiện 384,70 triệu đồng; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện chuyên trang, chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS đặc thù bằng tiếng Khmer về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh, phát sóng 06 kỳ, kinh phí thực hiện 90 triệu đồng; phối hợp với Báo Dân tộc và Phát triển thực hiện tuyên truyền về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh trên Báo Điện tử Dân tộc và Phát triển. Số lượng: 08 bài; 16 ảnh; 03 tin, kinh phí thực hiện 96 triệu đồng. Đang triển khai thực hiện theo nguồn vốn năm 2022, chuyển nguồn sang năm 2023.

- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức 10 cuộc tuyên truyền nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý trực tiếp điểm hướng cho người dân tại vùng DTTS, có 406 lượt người dự; tổ chức 1 cuộc tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS trên địa bàn tỉnh, với 51 đại biểu tham dự. Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (thuộc Sở Tư pháp) phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao các huyện: Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải và Châu Thành xây dựng chương trình và thực hiện phát sóng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS trên sóng phát thanh; phối hợp với UBND các huyện: Trà Cú và Duyên Hải tổ chức 02 cuộc tuyên truyền chuyên đề về trợ giúp pháp lý kết nối cộng đồng, với 77 lượt đại biểu tham dự. Đã in tái bản 1.900 cuốn tài liệu tuyên truyền về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

b) **Tiểu dự án 2:** Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 1.446 triệu đồng (vốn đầu tư 1.270 triệu đồng, vốn sự nghiệp 176 triệu đồng) và dự kiến bố trí ngân

sách địa phương 216,90 triệu đồng (vốn đầu tư 190,50 triệu đồng, vốn sự nghiệp 26,40 triệu đồng). Sở Thông tin và Truyền thông chờ Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện.

c) **Tiểu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao vốn ngân sách Trung ương 325 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Ban Dân tộc tỉnh và các địa phương xây dựng kế hoạch giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2022; đã tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đề ra (năm 2022).

* Về kết quả giải ngân vốn (*Chi tiết phụ lục số 05 đính kèm*).

2. Tồn tại, hạn chế

Nhìn chung, hiện nay các Dự án, Tiểu dự án các Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS đang được xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do thời gian phân bổ vốn trễ vào những tháng cuối năm 2022 và văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa kịp thời, đồng bộ nên việc giải ngân nguồn vốn chậm.

- Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, do đó chưa có cơ sở triển khai thực hiện và giải ngân vốn.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 2 Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và miền núi thuộc Dự án 10, do đó tỉnh chưa có cơ sở triển khai thực hiện và giải ngân vốn.

- Cơ sở vật chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS một số nơi còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu; việc triển khai lồng ghép một số chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS hiệu quả chưa cao, chưa tạo thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong vùng có đông đồng bào DTTS.

- Số lượng cán bộ công chức hệ thống công tác dân tộc chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao trong giai đoạn hiện nay (vừa quản lý nhà nước, vừa thực hiện các dự án); công tác phối hợp của một số sở, ngành tỉnh trong thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 còn một số ý kiến khác nhau, chưa thống nhất trong thủ tục thanh quyết toán.

- Việc ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương chưa kịp thời.

3. Nguyên nhân hạn chế:

- Kết cấu hạ tầng ở một số vùng đồng bào DTTS vẫn còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; trình độ dân trí, nguồn nhân lực trong vùng đồng bào chưa đồng đều.

- Việc ban hành các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo thẩm quyền của các Bộ, cơ quan Trung ương còn chậm và chưa đồng bộ, kịp thời, ảnh hưởng đến công tác triển khai, tổ chức thực hiện các Chương trình.

- Công tác phối hợp của một số sở, ngành tỉnh trong thực hiện Chương trình MTQG còn một số ý kiến khác nhau, chưa thống nhất trong thủ tục, trình tự thực hiện.

- Một số địa phương cấp huyện, xã do điều chuyển, thay đổi cán bộ lãnh đạo nên trong công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình còn lúng túng; số lượng cán bộ công chức hệ thống công tác dân tộc chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao trong giai đoạn hiện nay (vừa quản lý nhà nước, vừa thực hiện các dự án).

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Thực hiện tốt việc công khai dân chủ, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nội bộ và nhân dân về các chính sách của Đảng và nhà nước thì hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc đạt kết quả cao.

- Các địa phương làm tốt vai trò tham mưu với cấp ủy cùng cấp, thống nhất, cùng thực hiện; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, kịp thời phát hiện, tháo gỡ, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc sẽ đạt hiệu quả cao.

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và ở địa phương thông qua các chương trình, kế hoạch liên ngành thì việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc đạt kết quả tốt.

- Phát huy tối đa mọi nguồn lực của xã hội, kết hợp làm tốt công tác lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số như các Chương trình MTQG; chương trình viện trợ phi Chính phủ có cùng mục tiêu, sẽ làm tăng giá trị, quy mô công trình, dự án, chính sách, hiệu quả kinh tế xã hội được nâng cao.

Phần 3

CÁC GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

I. GIẢI PHÁP

- Tập trung hoàn thiện các cơ chế, chính sách, văn bản về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh - Cơ quan thường trực Chương trình thực hiện tốt chức năng điều phối, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình được quy định cụ thể trong Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025, hàng năm.

- Chỉ đạo, hướng dẫn địa phương triển khai các hoạt động đầu tư của Chương trình đảm bảo kịp thời, đúng kế hoạch; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương, các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn lực cho triển khai thực hiện Chương trình, đặc biệt chú trọng lồng ghép sử dụng tốt nguồn lực từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay hỗ trợ các chính sách theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

- Về lập kế hoạch, giao kế hoạch, về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai hoạt động, giải ngân, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc

Chương trình: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin, nâng cao năng lực nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào DTTS về Chương trình, góp phần tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, khơi dậy ý chí tự lực vươn lên của người nghèo, của đồng bào các DTTS, tiếp nhận và sử dụng chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng. Chú trọng vấn đề về lồng ghép giới, thúc đẩy bình đẳng giới trong thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

II. KIẾN NGHỊ

+ Sớm ban hành định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

+ Xem xét, điều chỉnh Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc cho phù hợp với tình hình hiện nay (vì số liệu rà soát đề xuất ban hành 02 Quyết định này từ năm 2019 theo chuẩn nghèo đa chiều cũ và hiện nay có nhiều xã đã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới sẽ thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với các xã khu vực III, khu vực II trong khi các xã này vẫn còn một số áp đạt tiêu chí áp đặc biệt khó khăn).

- Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan ở Trung ương:

+ Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 2 Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và miền núi.

+ Các cơ quan chủ quản các chương trình ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình nhằm tạo điều kiện cho địa phương dễ hiểu, dễ thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 120 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo Đoàn giám sát của Quốc hội khóa XV năm./.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ủy ban dân tộc;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT; LĐTBXH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- LĐVP;
- Các Phòng: NN, CNXD, KT;
- Lưu: VT, KGVX. 03



Lê Văn Hân



PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số: **52** /BC-UBND ngày **07/3/2023** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Dự án	Đơn vị chủ trì	Nội dung, đối tượng, địa bàn thực hiện
01	Dự án 1		Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
	Nội dung 01	Ban Dân tộc tỉnh	- Nội dung: Hỗ trợ đất ở - Đối tượng: Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
	Nội dung 02	Sở Xây dựng	- Nội dung: Hỗ trợ nhà ở - Đối tượng: Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK.
	Nội dung 03	Ban Dân tộc tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội	- Nội dung: Hỗ trợ sản xuất, chuyển đổi nghề - Đối tượng: Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK.
	Nội dung 04	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Nội dung: hỗ trợ nước sinh hoạt - Đối tượng: Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
02	Dự án 2	Tỉnh không thực hiện	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
03	Dự án 3		Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
	Tiểu dự án 1	Tỉnh không thực hiện	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân
	Tiểu dự án 2		Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số
	Nội dung 01	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. - Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ sinh sống tại xã, ấp ĐBKK; doanh nghiệp, Hợp tác xã có từ 70% lao động trở lên là người DTTS - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK.
	Nội dung 02	Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú	- Nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. - Đối tượng: Các dự án phát triển dược liệu

			<p>quý có hoạt động ở các địa bàn ĐBKK vùng đồng bào DTTS, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ được liệu trong vùng.</p> <p>- Địa bàn: Ấp, xã thuộc huyện Trà Cú.</p>
	Nội dung 03	Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Công Thương	<p>- Nội dung: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>- Đối tượng: Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; các trường đại học có đồng sinh viên DTTS theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, ấp vùng đồng bào DTTS.</p> <p>- Địa bàn: các xã, ấp vùng đồng bào DTTS; xã ĐBKK vùng DTTS.</p>
	Tiểu dự án 3	Tỉnh không thực hiện	Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số
04	Dự án 4		Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
	Tiểu dự án 1		Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số
	Nội dung 01	Ban Dân tộc tỉnh	<p>- Nội dung: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên đối với các xã, ấp đặc biệt khó khăn.</p> <p>- Đối tượng: Các xã, ấp vùng đồng bào DTTS</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
	Nội dung 01	Sở Công Thương	<p>- Nội dung: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>- Đối tượng: Các xã, ấp vùng đồng bào DTTS</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
	Tiểu dự án 2	Tỉnh không thực hiện	Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc

05	Dự án 5		Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
	Tiêu dự án 1	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nội dung: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. - Đối tượng: Hệ thống các trường PTDTNT và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
	Tiêu dự án 2		Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS
	Nội dung 01	Sở Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh	Nội dung: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng 2, 3, 4. Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
	Nội dung 02	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	- Nội dung: Đào tạo dự bị đại học, đại học - Đối tượng: Cơ sở giáo dục chuyên biệt và trường đại học - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
	Tiêu dự án 3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Nội dung: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS và miền núi - Đối tượng: Người lao động là người DTTS, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào DTTS; các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người DTTS và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
	Tiêu dự án 4	Ban Dân tộc tỉnh	- Nội dung: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. - Đối tượng: Cộng đồng; cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
06	Dự án 6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nội dung: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số

		lịch	<p>gắn với phát triển du lịch</p> <p>- Đối tượng: Các huyện, thành phố có xã, ấp thuộc vùng đồng bào DTTS; bản sắc văn hóa, di sản của các DTTS; đồng bào các DTTS; nghệ nhân người DTTS; cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào DTTS; lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào DTTS.</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
07	Dự án 7	Sở Y tế	<p>- Nội dung: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em.</p> <p>- Đối tượng: Người dân tại vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi; trung tâm y tế huyện; cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế ấp, khám, cộng tác viên dân số; cô đỡ ấp, khám.</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
08	Dự án 8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	<p>- Nội dung: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</p> <p>- Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và ấp ĐBKK, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người DTTS trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
09	Dự án 9		Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
	Tiểu dự án 1	Tỉnh không thực hiện	Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù
	Tiểu dự án 2	Ban Dân tộc tỉnh	<p>- Nội dung: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.</p> <p>- Đối tượng: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng</p>

			<p>bào dân tộc thiểu số Nhóm vị thành niên, thanh niên là người DTTS; các bậc cha mẹ và học sinh các trường PTDTNT; nhóm phụ nữ và nam giới người DTTS tảo hôn, kết hôn cận huyết thống; lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào DTTS; người có uy tín trong cộng đồng các DTTS.</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
10	Dự án 10		<p>Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</p>
	Tiểu dự án 1	Ban Dân tộc tỉnh	<p>Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG PTKT-XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2030</p>
	Nội dung 01	Ban Dân tộc tỉnh	<p>- Nội dung: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò NCUT</p> <p>- Đối tượng: Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín vùng trong đồng bào DTTS; các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.</p> <p>- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK</p>
	Nội dung 02	Ban Dân tộc tỉnh	<p>- Nội dung: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS</p> <p>- Đối tượng: Người dân ở vùng đồng bào DTTS; cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS; lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, ấp; Trưởng ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng ĐBKK.</p>

			- Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK
Nội dung 03	Sở Tư pháp	Nội dung: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS. - Đối tượng: Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào DTTS; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK	
Tiêu dự án 2	Sở Thông tin và Truyền thông	- Nội dung: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng DTTS. - Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cơ quan chủ trì quản lý Chương trình ở cấp tỉnh và các cơ quan Thường trực Chương trình ở địa phương; các xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK	
Tiêu dự án 3	Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố	- Nội dung: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. - Đối tượng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình. - Địa bàn: Xã vùng DTTS, ấp và xã ĐBKK	

PHỤ LỤC SỐ 02
TÊN HIỆP PHÂN BÒ VON THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐÀN TỐC THỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
 (Kế hoạch Ban cấp số: 22/BC-L/BNĐ ngày 07/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Nội dung	VON THEO KẾ HOẠCH												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	165.735	92.466	27.108	15.358	-	-	-	-	50.000	-	-	-	50.000
		40.608	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	165.735	92.466	27.108	15.358	-	-	-	-	50.000	-	-	-	50.000
		40.608	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		40.608	14.467	26.141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh vực dân tộc	137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
		137.462	57.585	13.244	6.181	7.063	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		131.822	40.696	14.343	26.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16.934	6.480	5.153	1.327	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		4.521	1.201	1.201	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		6.610	1.790	1.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc con nhiều khó khăn	2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		2.548	631	631	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Dự án 10: Truyền thông, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Kiem tra, giám sát danh sách hộ gia đình tộc thiểu số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		13.146	3.299	1.270	2.029	-	-	-	-	-	-	-	-	-

VON THEO KẾ HOẠCH

Năm 2023

Von khác

Von khác

Von khác



PHỤ LỤC SỐ 03

TỔNG HỢP KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XỬ LÝ TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CỦA TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 52 /BC- UBND ngày 07/ 3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Nguyên nhân/ nội dung khó khăn, vướng mắc tại các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn do Trung ương ban hành	Cơ quan chịu trách nhiệm về vướng mắc, bất cập	Đề xuất kiến nghị hướng khắc phục
1	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG	Giao địa phương (HĐND tỉnh; UBND tỉnh,...) ban hành nhiều văn bản, định mức,... Tỉnh phải tập trung xây dựng cùng lúc nhiều văn bản mới, mất nhiều thời gian do phải thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định dẫn đến việc một số văn bản của tỉnh chưa ban hành kịp thời.		
2	Các Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022; 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022; 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025	Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số nội dung, mức chi thực hiện hoạt động, dự án... việc thực hiện quy trình xây dựng các văn bản nên trên ảnh hưởng tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn trong năm 2022		

3	Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Chưa có cơ sở triển khai thực hiện và giải ngân vốn.	Thủ tướng Chính phủ	Sớm ban hành để làm cơ sở triển khai thực hiện
4	Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 2 Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Chưa có cơ sở triển khai thực hiện và giải ngân vốn.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sớm ban hành để làm cơ sở triển khai thực hiện



PHỤ LỤC SỐ 04

XÂY DỰNG VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 52 /BC-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành	Đối tượng điều chỉnh áp dụng	Vướng mắc bất cập	Cơ quan chịu trách nhiệm về vướng mắc, bất cập
I	VĂN BẢN VỀ BỘ MÁY, TỔ CHỨC						
1	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
2	Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26/7/2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.	BCĐ tỉnh	BCĐ tỉnh	2022			BCĐ tỉnh
II	VĂN BẢN QUY ĐỊNH LẬP, PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN VỐN						
1	Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào ĐTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	HĐND tỉnh	HĐND tỉnh	2022			HĐND tỉnh
2	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG.	HĐND tỉnh	HĐND tỉnh	2022			HĐND tỉnh
3	Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG.	HĐND tỉnh	HĐND tỉnh	2022			HĐND tỉnh

4	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ vốn đầu tư công năm 2023	HĐND tỉnh	HĐND tỉnh	2023			HĐND tỉnh
5	Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao vốn kế hoạch đầu tư phát triển vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG.	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
6	Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
7	Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2023			UBND tỉnh
III	VĂN BẢN QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN						
1	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
2	Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
3	Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh

4	Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
5	Công văn số 5353/UBND-KGVX ngày 23/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Việc thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 9 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS năm 2022 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh
6	Công văn số 5351/UBND-KGVX ngày 23/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào DTTS năm 2021 - 2022	UBND tỉnh	UBND tỉnh	2022			UBND tỉnh

9	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	13 146	1 270	2 029	2 244	7 603	-	176	1,34	3.514	9 000	95,19								
---	---	--------	-------	-------	-------	-------	---	-----	------	-------	-------	-------	--	--	--	--	--	--	--	--

